

BIẾN ĐỔI TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI QUA GÓC NHÌN NHÂN HỌC TÔN GIÁO

PGS. TS. Đinh Hồng Hải
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: *Biến đổi tôn giáo (religious change) là một quá trình phát triển bình thường ở mọi xã hội loài người từ xưa đến nay. Biến đổi tôn giáo là cơ hội tạo ra những yếu tố tích cực nhưng cũng có thể mang đến các hệ lụy khó lường. Việc tìm hiểu, nghiên cứu nhằm thích nghi hay để ứng xử một cách phù hợp với các biến đổi đó là vô cùng cần thiết ở mọi giai đoạn phát triển của xã hội. Trong bối cảnh các tôn giáo và tín ngưỡng đã và đang phát triển rất mạnh mẽ ở Việt Nam hiện nay, biến đổi tôn giáo là nội dung quan trọng cần được quan tâm nghiên cứu. Do tôn giáo “cắm rễ sâu ở nhu cầu cơ bản của nhân loại” như Malinowski đã đề cập, nên việc dùng ý chí hay sức mạnh để loại bỏ một tôn giáo hay tín ngưỡng ra khỏi đời sống xã hội không hề dễ dàng.*

Từ khóa: *Biến đổi tôn giáo, xã hội Việt Nam đương đại, dạng thức biến đổi, Nhân học tôn giáo.*

Abstract: *Religious change is a common development process in all human societies from ancient times up to now. Religious change is an opportunity for positive factors, but it can also have unpredictable consequences. It is extremely necessary to learn, research to adapt, or behave appropriately to these changes at all stages of the development of a society. In the context of religions and beliefs that have been developing very strongly in Vietnam today, religious change is an important issue that needs to be studied. Since religion is "deeply rooted in the basic needs of humanity" as mentioned by Malinowski, using will or strength to remove a religion or belief from social life is not easy.*

Keywords: *Religious change, contemporary Vietnam society, forms of change, Anthropology of Religion.*

Ngày nhận bài: 1/2/2021; ngày gửi phản biện: 22/2/2021; ngày duyệt đăng: 4/4/2021

Đặt vấn đề

Biến đổi tôn giáo là sự áp dụng một tập hợp các niềm tin tín ngưỡng được xác định với một quan điểm tôn giáo cụ thể này để thay thế những quan điểm khác đã có trước. Nói cách

khác, biến đổi tôn giáo chính là việc từ bỏ sự tuân thủ một tôn giáo này để liên kết hoặc đi theo một tín ngưỡng hay một giáo phái khác (Rodney & Finke, 2000, tr. 114). Trong nhân học tôn giáo, biến đổi tôn giáo thường liên quan đến biến đổi đời sống văn hóa tinh thần như một sự tái định vị hay tái cấu trúc một khái niệm văn hóa xã hội. Điều này xuất phát từ những thay đổi niềm tin và nghi lễ tôn giáo tạo thành chất xúc tác hoặc phương tiện của những biến đổi xã hội. Vì vậy, sự điều chỉnh, thay thế hay biến đổi cũng thường xuyên xảy ra, mặc dù nhìn bề ngoài không dễ để nhận biết.

Biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng thường xảy ra trong các xã hội vô tổ chức (do chiến tranh, các cuộc cách mạng, khủng hoảng niềm tin, dịch bệnh...). Những người chủ trương thay đổi thường kêu gọi phá hủy các thể chế xã hội hiện có để giải quyết xung đột và ổn định văn hóa thông qua việc tái tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng hiện có. Hầu hết các phong trào phục hưng tôn giáo được ghi nhận như một phản xạ thích ứng với hoàn cảnh kinh tế, xã hội thay đổi nhanh chóng do tiếp xúc với một nền văn hóa bên ngoài (Lavenda & Schultz, 2010, tr. 112). Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra như hiện nay, các tôn giáo và tín ngưỡng dù có bảo thủ đến đâu cũng không thể tránh khỏi những tác động của sự biến đổi. Trên thực tế, biến đổi tôn giáo là một quá trình mang tính tự nhiên, song do tôn giáo và tín ngưỡng là những thành tố văn hóa tinh thần đặc thù của con người nên hầu hết những biến đổi của chúng đều diễn ra từ nhu cầu và sự tác động của con người.

Vậy biến đổi tôn giáo và tín ngưỡng diễn ra khi nào? Nếu xem xét một số dạng tín ngưỡng sơ khai của loài người (như thờ lửa, thờ mặt trời, thờ thần đất, hiến sinh...) chúng ta có thể thấy, những biến đổi có liên quan đến các tín ngưỡng này diễn ra không ngừng trong lịch sử phát triển của nhân loại. Chẳng hạn, tục hiến sinh là một dạng tín ngưỡng sơ khai từng tồn tại ở nhiều nền văn hóa, đặc biệt *hiến sinh người* được phát hiện ở rất nhiều tộc người trên thế giới (như người Inca, Aztech ở Châu Mỹ, người Wa ở Trung Quốc, người Iban ở Indonesia, người Cơ-tu ở Việt Nam...). Thậm chí, tục hiến sinh máu người ở Việt Nam vẫn tồn tại đến thế kỷ XX như Pichon mô tả (Pichon, 1938, 2011, tr. 25). Theo thời gian, tục hiến sinh người dần được thay thế bằng máu hoặc thịt của các loài động vật khác.

Đến nay, một số tộc người ở Việt Nam vẫn thực hành các nghi lễ thờ cúng có hiến sinh. Nhưng thay vì *hiến sinh người* (như giai đoạn sơ khai) thì *hiến sinh các con vật* (trâu, bò, lợn, gà, dê...) ngày càng phổ biến. Bên cạnh hiến sinh động vật, một hình thức thay thế khác cũng đã hình thành trong nhiều thế kỷ qua ở nhiều nền văn hóa như Trung Quốc, Việt Nam, đó là *hình nhân thế mạng*. Từ hiến sinh người đến hình nhân thế mạng là một bước tiến quan trọng trong lịch sử phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng. Giờ đây, không chỉ có hình nhân thế mạng mà nhiều vật phẩm thờ cúng khác được bổ sung, tạo thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội Việt Nam đương đại, đó là *đốt vàng mã*. Vàng mã ở đây không chỉ là vàng và mã như truyền thống mà còn được bổ sung thêm bằng nhiều loại hàng mã hiện đại như biệt thự, ô tô, xe máy..., với quan niệm “trần sao âm vậy.”

1. Biến đổi tôn giáo trong lịch sử văn minh nhân loại

Không chỉ liên tục biến đổi ở các tín ngưỡng dân gian, biến đổi tôn giáo cũng diễn ra không kém phần sôi động ở các tôn giáo lớn¹. Sự biến đổi Phật giáo từ Nguyên thủy (Theravada) qua Đại thừa (Mahayana) và Kim Cương thừa (Vajrayana) chính là một sự biến đổi tôn giáo lâu dài và liên tục qua nhiều thế kỷ với quá trình quốc tế hóa Phật giáo từ Ấn Độ đến các vùng văn hóa khác. Quá trình biến đổi này đã giúp hình thành nên các nền văn minh Phật giáo Đại thừa ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam; các nền văn minh Phật giáo Nguyên thủy ở Sri Lanka, Lào, Thái Lan, Cambodia, Myanmar; các nền văn minh Kim Cương thừa ở Bhutan, Nepal, Tây Tạng. Tương tự, những biến đổi của Hồi giáo từ thời Mohamad đến sự phân chia hai dòng Hồi giáo Shiite và Sunny là một quá trình biến đổi mang tính lịch sử mà ảnh hưởng của nó cho đến nay vẫn đậm nét với sự hình thành các nhà nước Hồi giáo Shiite và Sunny dựa trên giáo lý khác biệt của hai nhánh này.

Trong lịch sử phát triển của nhân loại đã có vô số lần diễn ra những biến đổi mang tính bước ngoặt của tôn giáo, tín ngưỡng dẫn đến những sự ra đời hoặc định hình các nền văn minh. Từ Hy Lạp, La Mã ở Châu Âu đến Ai Cập ở Châu Phi; từ Sumer, Babylon ở Trung Đông đến Ấn Độ, Trung Hoa ở Châu Á. Chẳng hạn, sự thừa nhận Kitô ở La Mã trở thành tôn giáo chính thức (Công giáo) hay sự biến đổi từ Công giáo đến Tin lành chính là những biến đổi mang tính lịch sử giúp định hình nên một bộ mặt thế giới Kitô ngày nay. Nói cách khác, quá trình này không chỉ làm thay đổi quan niệm và thực hành của các tín đồ mà còn tạo nên một sự thay đổi lớn lao trong nền chính trị và văn hóa trên thế giới. Đó là một quá trình “đế chế hóa” Công giáo La Mã cổ đại và một cuộc “đại di cư” trong lịch sử Trung đại của các tín đồ Kitô từ Châu Âu đến Tân thế giới (Châu Mỹ) hình thành nên một loạt các quốc gia theo Kitô ở bắc Mỹ và nam Mỹ.

Vậy điều gì khiến cho các tôn giáo và tín ngưỡng, đặc biệt là các tôn giáo lớn trên thế giới có những biến đổi lớn như vậy? Nếu nhìn vào những biến đổi của Kitô giáo trong hai thiên niên kỷ qua, có thể thấy niềm tin/đức tin và nghi thức tôn giáo vừa là chất xúc tác vừa là động lực của những thay đổi trong xã hội. Thực tế cho thấy, hầu hết các tôn giáo và tín ngưỡng là sự tổng hợp của nhiều yếu tố xã hội, tín ngưỡng hay đặc điểm tổ chức khác nhau được thực hành một cách tự nguyện nhưng cũng có lúc mang tính cưỡng bức. Chẳng hạn, Công giáo thông qua việc thực hiện cải đạo cưỡng bức trong giai đoạn chủ nghĩa thực dân Châu Âu đã gây ra những ảnh hưởng lớn đến các tôn giáo và tín ngưỡng khác. Trong trường hợp này, biến đổi tôn giáo là sự chấp nhận của một tập hợp các niềm tin mới được xác lập để loại trừ hoặc cạnh tranh với những gì đã tồn tại trước đó. Trong một số trường hợp, biến đổi

¹ Ví dụ như với Phật giáo hiện nay, trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ, việc đến chùa để cầu kinh, niệm Phật không còn là lựa chọn duy nhất của các tín đồ mà họ còn có thể nghe pháp hay cầu kinh “xuyên lục địa” nhờ có mạng internet kết nối các nhóm tín đồ từ nhiều nơi trên thế giới.

tôn giáo đánh dấu một sự chuyển đổi bản sắc tôn giáo và được tượng trưng bằng các nghi lễ đặc biệt (Meintel, Deirdre, 2007, tr. 150).

Đôi lập với quá trình biến đổi tôn giáo là các yếu tố bảo thủ (hay bảo lưu) truyền thống tôn giáo và tín ngưỡng. Hai yếu tố này luôn hòa quện, đan xen tạo nên bức tranh đa sắc màu của tôn giáo, tín ngưỡng mà Ấn Độ là một ví dụ điển hình. Từ tín ngưỡng Bà-la-môn (Brahman) khởi nguồn nên văn minh Harapa cổ đại, người Ấn Độ đã hình thành nên một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới, đó là Hindu giáo (hay còn gọi là Ấn Độ giáo). Từ Hindu giáo tiếp tục ra đời Phật giáo, Kỳ-na giáo (Jainism) và nhiều nhánh khác nhưng không vì thế mà nền tảng Hindu bị loại bỏ. Trái lại, Hindu giáo vẫn tồn tại và phát triển với con số gần một tỷ tín đồ cùng tồn tại ở Ấn Độ với Kitô giáo, Phật giáo, Hồi giáo và vô số tôn giáo, tín ngưỡng khác nhỏ hơn. Biến đổi và bảo lưu tôn giáo, tín ngưỡng tồn tại song song trong nền văn hóa Ấn Độ suốt hàng nghìn năm qua khiến cho Ấn Độ trở thành một quốc gia có nhiều tôn giáo, tín ngưỡng nhất trên thế giới.

Nhìn chung, biến đổi tôn giáo và tín ngưỡng thường diễn ra khi phải chịu tác động của một quá trình biến động lịch sử. Ngược lại, nhiều biến động của lịch sử thế giới đã được định hình bởi sự thiết lập lại trật tự của tôn giáo. Ví dụ, quá trình chuyển đổi từ Do Thái giáo sang Kitô giáo đầu Công nguyên đã tạo nên một bước ngoặt trong lịch sử đối với nền văn minh phương Tây. Tương tự, việc phá bỏ hệ thống thần quyền phong kiến ở Nga, Trung Quốc, Việt Nam... hình thành nên hệ thống các nhà nước Xã hội chủ nghĩa thế kỷ XX đã góp phần định hình lại nền tảng xã hội của “nửa đông bán cầu”. Tiếp theo sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của bức tường Berlin thập niên 1990 lại tạo nên một bước ngoặt mới với việc định hình lại nền tảng tôn giáo, tín ngưỡng ở những nơi này. Quá trình biến đổi mang tính lịch sử đó vẫn đang tiếp tục cho đến ngày hôm nay.

2. Quá trình biến đổi tôn giáo trong xã hội Việt Nam đương đại

Thực tế cho thấy, con người có thể chuyển đổi từ tôn giáo, tín ngưỡng này sang một tôn giáo hay tín ngưỡng khác vì nhiều lý do, chẳng hạn chuyển đổi *tự do* (do thay đổi niềm tin/đức tin), chuyển đổi *bắt buộc* (do hôn nhân hay cái đạo theo người phối ngẫu),... Việc chuyển đổi để hòa nhập với hoàn cảnh mới vì những lý do đơn giản như cha mẹ chuyển đổi để cho phép một đứa trẻ được nhận vào một trường học có liên quan đến một tôn giáo hoặc một người chấp nhận một tôn giáo mới để phù hợp với tầng lớp xã hội mà họ mong muốn (điển hình là Do Thái giáo). Trong trường hợp bị cưỡng bức chuyển đổi tôn giáo và tín ngưỡng, người bị cưỡng bức có thể bí mật giữ lại các niềm tin trước đó trong khi bên ngoài vẫn duy trì việc thực hành các nghi lễ, thể thức của tôn giáo mới. Thật khó để tập hợp đầy đủ những biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam vì quá trình này diễn ra liên tục qua nhiều giai đoạn lịch sử. Không chỉ có các dạng biến đổi do *cưỡng bức* hoặc *tự nguyện*, một số tôn giáo, tín ngưỡng hay nhóm tín đồ cụ thể có thể có những biến đổi do hoàn cảnh khách quan thông qua tác động của biến đổi xã hội. Chẳng hạn như ở Việt Nam trước năm 1945, các dạng tín ngưỡng làng xã phổ biến tới

mức mỗi làng có thể có một vị thần riêng: *Trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ!* Cho dù một số vị thần như Cao Sơn Đại Vương, Nam Hải Đại Vương... có thể được thờ ở nhiều làng, nhưng vị thần của mỗi làng vẫn là “của riêng” dân làng, bởi vị thần đó có vai trò như một bệ đỡ tinh thần của cả làng.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhất là khi Cải cách ruộng đất năm 1954, sự sụp đổ chế độ phong kiến đã làm đảo lộn các thiết chế truyền thống, trong đó có các tôn giáo, tín ngưỡng. Cùng với việc tầng lớp quan lại và địa chủ bị đầu tó, tầng lớp bản cổ nông được đưa lên làm lãnh đạo cách mạng, các vị thần vốn được tôn vinh và thờ phụng ở ngôi cao bị khoác chiếc áo “mê tín dị đoan” và bị “bỏ bễ”. Điều này dẫn đến một sự chuyển đổi to lớn trong đời sống tín ngưỡng của người dân với việc từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để hình thành nên cực “vô thần”.

Với chính sách *mở cửa* và *Đổi mới* của Đảng và Nhà nước, sau năm 1986, người dân Việt Nam lại tiếp tục chuyển đổi từ “cực vô thần” sang “cực mê tín”. Chỉ trong ba thập niên tính từ *Đổi mới*, hàng chục dạng tín ngưỡng với hàng trăm môn phái, giáo phái, nhóm tôn giáo, tín ngưỡng, hiện tượng tôn giáo mới được phục hồi hoặc dựng lên, trong đó có nhiều hệ phái mới ra đời (đa phần chưa được Nhà nước công nhận hay xã hội thừa nhận). Hàng nghìn ngôi chùa, đền, điện thờ Mẫu... được xây mới, vô số pho tượng khổng lồ được dựng lên. Bánh chưng kỷ lục, rượu kỷ lục, thơ thiền kỷ lục, hủ tiếu kỷ lục... đua nhau làm ra để tỏ lòng thành kính với thần thánh. Nhiều thần điện bày lẫn lộn nhiều loại tượng thờ khác nhau, trong đó có cả Phật, Mẫu, Thần Tài, lẫn với tượng Bác Hồ và các anh hùng dân tộc.

Những chiếc đầu rùa đá trong Văn Miếu vốn bị bỏ hoang nửa thế kỷ trước đó nay cũng trở thành một dạng tín ngưỡng *sờ đầu rùa lấy may*. Thậm chí, rùa “bằng xương bằng thịt” ở hồ Gươm được một số người cho là đã “hiển linh” và được gọi bằng một cái tên hết sức tôn kính: Cự Rùa (Hà Đình Đức, 2014). Trên thực tế, rồng linh thiêng của đất “Thăng Long nghìn năm văn hiến” cũng chỉ được gọi là *rồng* mà chưa từng được gọi là Cự Rồng. Ngoài ra, còn có vô số gốc cây, hòn đá, điện thờ hay “khu vườn” đột nhiên được “linh thiêng” hóa qua “truyền miệng - rỉ tai” khiến hàng nghìn người kéo đến lễ bái mà không hề biết là lễ vị thần nào, trong khi bài khấn của họ lại là *Chú Đại bi* được phiên âm hai lần từ tiếng Phạn (Sanskrit) sang tiếng Hán rồi từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Nhiều người chỉ đọc thuộc lòng mà hoàn toàn không hiểu nghĩa của các chữ đó là gì. Trong đại dịch COVID-19, cư dân mạng (netizen) dựa vào cách phiên âm này để “ché” ra bài “kinh đại dịch”: *Nam mô corona, xa ta ra - xa ta ra, xa thiệt xa, ta bà ha* (3 lần).

“Cực mê tín” này còn biểu hiện một cách rõ nét qua các hiện tượng mang tính trần tục như giẫm đạp lên nhau *cướp án đền Trần* để cầu “tài lộc, thăng quan tiến chức, dẫn đến các hiện tượng tranh cướp, thật giả lẫn lộn” (Phong Linh, 2019). Tương tự như vậy, hiện tượng tràn ra đường cúng sao “giải hạn” (ở chùa Phúc Khánh, Ngã Tư Sở, Hà Nội) và “thỉnh oan gia trái chủ” ở chùa Ba Vàng (Quảng Ninh) không liên quan gì đến Đức Phật hay một giáo

lý Phật giáo nào. Dĩ nhiên, các hiện tượng “cướp” này hoàn toàn khác với các trò “cướp phết” hay cướp hoa tre trong các lễ hội truyền thống (vốn chỉ mang tính tượng trưng). “Cực mê tín” đó không chỉ tồn tại ở tầng lớp bình dân “ít học” mà còn được nhiều đảng viên quan chức cấp cao tham gia với mong muốn được nhiều tài lộc và thăng quan tiến chức, trong khi chính họ là những người đã học thuộc lòng quan điểm phê phán tôn giáo và mê tín dị đoan (Hồng Hải, 2016).

Một biến đổi khác của các tôn giáo ở Việt Nam gần đây là quá trình Tin lành hóa một số cộng đồng thiểu số vùng cao như Tây Bắc hay Tây Nguyên. Dưới góc nhìn văn hóa, những biến đổi này đã làm mất đi một phần các giá trị văn hóa tín ngưỡng truyền thống từng tồn tại lâu đời trong các cộng đồng tộc người ở Việt Nam. Song, từ góc nhìn nhân học tôn giáo, có thể thấy quá trình biến đổi niềm tin tín ngưỡng của người dân từ các dạng tín ngưỡng truyền thống sơ khai sang một dạng đức tin có giáo lý đường như là một tiến trình khó cưỡng lại. Vì vậy, về phương diện nhà nước, các nhà quản lý chỉ có thể duy trì các hình thức văn hóa tín ngưỡng như những loại hình di sản văn hóa mà khó có thể bắt buộc người dân duy trì đức tin vào các tín ngưỡng sơ khai giống như trong quá khứ.

3. Một số dạng thức biến đổi tôn giáo

3.1. Một số dạng thức biến đổi phổ biến

Từ góc nhìn của nhân học tôn giáo, có thể tạm chia các dạng biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng thành ba loại: Loại 1) *Biến đổi tự thân* do nhu cầu và sự phát triển của các tín đồ trong mỗi tôn giáo, tín ngưỡng, như biến đổi từ Do Thái giáo sang Kitô giai đoạn đầu Công nguyên hay từ Công giáo sang Tin lành thời trung đại; Loại 2) *Biến đổi thích nghi* do hoàn cảnh xã hội, cụ thể như biến đổi từ tín ngưỡng dân gian truyền thống Việt Nam sang Phật giáo sau Công nguyên và Kitô giáo giai đoạn cận đại; Loại 3) *Biến đổi bất định* thường diễn ra ở các tín ngưỡng dân gian thiếu nền tảng giáo lý, như tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam.

Trên thực tế, biến đổi tôn giáo cho dù là *tự thân*, *thích nghi* hay *bất định* vẫn luôn tồn tại các mặt *tích cực* cũng như *tiêu cực*, thể hiện qua bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Tính hai mặt của biến đổi tôn giáo, tín ngưỡng

Các thành tố biến đổi	Biến đổi tích cực	Biến đổi tiêu cực
Niềm tin/đức tin	Trí tuệ	Vô căn cứ
Giáo lý	Hướng thiện	Mơ hồ
Xu hướng phát triển	Đời sống tinh thần	Đời sống vật chất
Mục tiêu	Đạo đức	Lợi ích
Tác động xã hội	Nuôi dưỡng đời sống tinh thần	Làm giàu cho một nhóm người
Hệ quả	Phát triển	Suy đồi

Phân biệt được các yếu tố tích cực và tiêu cực nói trên giúp chúng ta hướng đến các giá trị nhân văn trong tôn giáo, tín ngưỡng. Dĩ nhiên, tất cả chúng ta đều muốn những biến đổi

mang xu hướng tích cực nhưng thực tế không hoàn toàn giống như những gì con người mong muốn. Đôi khi, sự tác động của các biến đổi xã hội có thể khiến cho đức tin của con người thay đổi một cách mạnh mẽ từ “cực” này sang “cực” khác mà không hẳn là do *tự nguyện* hay *cưỡng bức*. Chúng tôi tạm gọi hiện tượng này là biến đổi *ngoại sinh* (exogenous) do tác động của các biến đổi chính trị, xã hội.

Như vậy, biến đổi tôn giáo (dù là *tự nguyện*, *cưỡng bức* hay *ngoại sinh*) không chỉ là những hiện tượng đơn lẻ mà trên thực tế đó chính là một phần của quy luật *thành-trụ-dị-diệt* (ra đời, phát triển, biến đổi, diệt vong). Dựa vào đó, các nhà khoa học hiểu rõ hơn về những đặc tính của đối tượng nghiên cứu, các nhà quản lý có thể hoạch định những chính sách phù hợp với sự phát triển của xã hội. Đặc biệt, thông qua biến đổi của tôn giáo và tín ngưỡng trong xã hội đương đại, Nhà nước có thể điều chỉnh hay ban hành các quy định hoặc điều luật mới phù hợp hơn với xu thế phát triển chung của quốc gia, mà sự ra đời của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016 đã thể hiện điều này.

3.2. Một số dạng thức biến đổi khác

Cùng với những biến đổi *tự nguyện*, *cưỡng bức* hay *ngoại sinh* còn có một dạng biến đổi đặc biệt, đó là sự xuất hiện của các trào lưu khác với các tôn giáo, tín ngưỡng từng có ở Việt Nam. Đây thực chất cũng là một dạng *biến đổi bất định* nhưng tạo thành những trào lưu xã hội nên được xếp riêng trong chuyên mục này. Nếu không kể đến các tín ngưỡng truyền thống và các tôn giáo du nhập vào Việt Nam trước 1945 thì hầu hết các trào lưu mới này đều xuất hiện sau khi “mở cửa” năm 1986. Đây là một giai đoạn rất đặc biệt trong quá trình phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam với vô số thành tố văn hóa tín ngưỡng ra đời trong nước hoặc được du nhập từ nước ngoài. Trong bối cảnh như vậy, tính nguyên hợp/hỗ lớn và dễ biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam lại càng khiến cho bức tranh tôn giáo, tín ngưỡng nước ta trở nên vô cùng đa dạng và phức tạp. Ở đây chúng tôi không gọi các trào lưu trên là các “đạo lạ” hay “tôn giáo mới” mà phân làm ba loại chính (*cải biến*, *tự tạo* và *du nhập*) được hình thành trong khoảng một thế kỷ qua.

- *Cải biến*: Cải biến là loại thứ nhất, được tổng hợp và biến đổi cho phù hợp với văn hóa truyền thống của một cộng đồng tín đồ hoặc là một quá trình phục dựng, phục hồi và sáng tạo truyền thống. Chẳng hạn, đầu thế kỷ XX, hai tôn giáo Cao Đài và Hòa Hảo ra đời do cải biến một số yếu tố văn hóa, tôn giáo trong và ngoài nước để tạo nên hai tôn giáo ra đời tại Việt Nam với giáo lý, giáo luật, giáo chủ, giáo đoàn và các trụ sở riêng². Cùng thời kỳ với hai tôn giáo này còn có một số trào lưu khác như Tứ Ân Hiếu Nghĩa hay Long Hoa Di Lặc phát triển khá mạnh nhưng không tạo thành các tôn giáo vào thời điểm đó vì thiếu các tiêu chí căn bản về giáo lý, giáo luật, giáo chủ, giáo đoàn... (sau này Tứ Ân Hiếu nghĩa đã

² Tính tới thời điểm hiện tại, trong lịch sử các tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam, mới chỉ có hai tôn giáo hình thành đầu thế kỷ XX được công nhận trên thế giới đó là Cao Đài và Hòa Hảo.

được Nhà nước ta công nhận). Tương tự, một số trào lưu hiện nay như tín ngưỡng thờ Mẫu, Thanh Hải Vô Thượng Sư, thiên cưỡi... cũng được một số nhóm tín đồ phục dựng hay phục hồi từ những giáo lý có trước và thực hành như những giáo phái hay tín ngưỡng riêng mà không được công nhận là tôn giáo.

- *Tự tạo*: Tự tạo là loại thứ hai, hình thành chủ yếu sau từ khi *mở cửa*, *Đổi mới* ở Việt Nam với sự bùng nổ của kinh tế thị trường. Đây là giai đoạn đặc biệt trong lịch sử tôn giáo Việt Nam với vô số tôn giáo, tín ngưỡng, hiện tượng phi tôn giáo (irreligion), giả tôn giáo (pseudo religion) đan xen. Trong bối cảnh đó, các tôn giáo, tín ngưỡng chính thống cũng như nhiều hiện tượng tôn giáo, tín ngưỡng mới phát triển nở rộ nhưng về mặt xã hội lại thiếu tổ chức, vượt ra ngoài giáo lý, giáo luật,... Chẳng hạn, có những trung tâm Phật giáo thuộc loại lớn nhất Việt Nam tổ chức cúng “oan gia trái chủ” rồi lại “cúng ngừa virus Corona” (Khánh An, 2020). Các dạng nghi lễ “tự chế” này tạo nên sự khủng hoảng niềm tin đối với xã hội. Đi xa hơn, có những vị “giáo chủ” tự nhận bản thân như thần thánh vì được “vong” Bác Hồ “đọc cho ghi” thành kinh sách của một loại “đạo” mới là Đạo Bác Hồ (Hoàng Thiên Long, 2020). Một số người nhận là họ có thể gọi được “hồn” Bác Hồ và nhiều vong hồn khác về để phục vụ tìm mộ người thân (Đỗ Kiên Cường, 2020); có nhà “khoa học tâm linh” lập mộ giả, lừa dối thân nhân liệt sĩ rồi cho là “việc làm rất nhân văn” (Thuận Phong, 2014).

- *Du nhập*: Du nhập là loại thứ ba trong số các trào lưu tôn giáo, tín ngưỡng đương đại. Trào lưu này từng diễn ra ít nhiều ở các giai đoạn khác nhưng đặc biệt nở rộ trong giai đoạn hiện nay. Khác với các tôn giáo lớn du nhập vào Việt Nam trước 1945 nhờ giáo lý, giáo luật nghiêm ngặt và tính tổ chức cao, một số trào lưu từ 1986 đến nay thường du nhập các tín ngưỡng đi kèm với hàng hóa tôn giáo (religious commodification) để thực hiện các mục tiêu “kinh doanh tâm linh”. Các sản phẩm này “nhập khẩu” vào Việt Nam để phục vụ nhu cầu của nhiều tín đồ “sính ngoại” bằng đường tiểu ngạch (hay phi chính thống, còn gọi là *xách tay*) với đủ loại kinh sách, băng đĩa, tranh ảnh, máy ghi âm, tượng, búp bê... để phục vụ cho “thị trường tâm linh” sôi động. Nổi bật là các sản phẩm liên quan đến Hội Thánh Đức Chúa Trời Mẹ, búp bê Kuman Thong, thiên Osho,...³. Ngoài ra, còn có nhiều hiện tượng “cũ” phát triển trở lại hay “lạ” ra đời gần đây như: “cắt tiền duyên”, chữa “bệnh âm”, thỉnh “âm phù dương trợ”, yểm linh vật phong thủy, “gọi hồn, áp vong” cho người chết, thậm chí là “hô phong, hoán vũ” cầu tạnh mưa để tổ chức Đại lễ Nghìn năm Thăng Long - Hà Nội.

Các hiện tượng nói trên có thể mới được hình thành hoặc du nhập hay cải biến từ các tôn giáo tín ngưỡng từng có trước đây, nhưng đều có một đặc điểm chung là chúng đã tạo nên những yếu tố *mới lạ, dễ hiểu* hơn so với các tôn giáo lớn với giáo lý cao siêu, giáo luật khắt khe. Đó chính là những biểu hiện rõ nét của biến đổi tôn giáo trong xã hội hiện đại Việt

³ Osho (1931 -1990) tên thật là Chandra Mohan Jain, còn được gọi là Acharya Rajneesh và thường được gọi là Osho từ năm 1989. Những thuyết giảng có tính tổng hợp và điều hòa các tôn giáo khác nhau của ông nhấn mạnh tới tầm quan trọng của thiên. Tư tưởng này tác động đến phong trào New Age ở phương Tây. Xem thêm: Thư viện Hoa Sen: <https://thuvienhoasen.org/a4224/hien-tuong-osho> (Truy cập 12/2/2020).

Nam trong hơn một thế kỷ qua. Đánh giá về các trào lưu mới được hình thành do quá trình biến đổi tôn giáo và tín ngưỡng, Rebecca Stein & Phillip Stein (2008, tr. 256) cho rằng chúng được “phân nhánh từ các tôn giáo cũ hơn, có uy tín hơn và có nhiều đặc điểm chung với tôn giáo chính thống. Nếu nhóm mới vẫn được coi là chính thống và chỉ khác một vài điểm so với tôn giáo chính thống, thì nó được gọi là một loại/trào lưu hay phái mới”. Đây chính là cách mà Cao Đài và Hòa Hảo đã hình thành nên hai tôn giáo chính thức của Việt Nam, trong khi nhiều loại tín ngưỡng *tự tạo* và *du nhập* nói trên đã không được công nhận. Dĩ nhiên, *được công nhận* hay *không được công nhận* ở đây chỉ mang ý nghĩa về mặt quản lý hành chính nhà nước, còn đối với các nhà nhân học thì tất cả các hiện tượng đó đều là đối tượng cần được quan tâm nghiên cứu, giải mã.

Kết luận

Biến đổi tôn giáo là một quy luật mang tính tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu về đời sống tinh thần của con người. Quá trình này không chỉ diễn ra một lần mà liên tục được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật để thích nghi với những bối cảnh mới. Có những biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ít tác động đến đời sống xã hội khiến chúng ta không để ý thấy, nhưng cũng có những biến đổi mang tính đột phá, thậm chí dẫn tới cách mạng. Có những biến đổi tạo nên những nền văn minh huy hoàng nhưng cũng có những biến đổi khiến cho một số nền văn minh bị hủy diệt.

Tìm hiểu về những biến đổi trong các tôn giáo, tín ngưỡng là cách tốt nhất để các nhà khoa học có thể xác định được các yếu tố cả tích cực và tiêu cực được tạo ra trong quá trình này. Từ đó có thể đưa ra những nhận định xác đáng về giá trị của chúng trong sự phát triển của nhân loại nói chung và sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần nói riêng. Thành quả nghiên cứu về biến đổi tôn giáo của giới khoa học không chỉ giúp xác định được tầm quan trọng của tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống tinh thần mà còn giúp xác định được các yếu tố giả tôn giáo, phi tôn giáo đan xen trong các sự vật hiện tượng. Đi xa hơn, điều đó cũng có thể giúp các cơ quan quản lý điều chỉnh các chính sách phù hợp hơn với thực tại của đời sống tôn giáo.

Dĩ nhiên, các điều chỉnh đó phải dựa trên Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hợp quốc và luật pháp của quốc gia sở tại. Quản lý ở đây không phải là để ngăn chặn quá trình biến đổi (vì dù muốn hay không thì quá trình biến đổi tôn giáo vẫn luôn diễn ra), mà là giúp các tôn giáo, tín ngưỡng biến đổi theo hướng tích cực hơn. Điều đó giúp con người thích nghi và ứng xử một cách phù hợp hơn với những biến đổi liên tục diễn ra trong các tôn giáo, tín ngưỡng để xây dựng một xã hội lành mạnh, một tư duy trí tuệ và một tinh thần hướng thiện.

Tài liệu tham khảo

1. Khánh An (2020), “Trụ trì chùa Ba Vàng lại gây sốc khi bày cách "hóa giải" dịch cúm virus Corona?”, *Báo Bảo vệ pháp luật*, trên trang <https://baovephapluat.vn> (Truy cập 18/2/2020).

2. Đỗ Kiên Cường (2020), *Nhà ngoại cảm Năm nghĩa: Huyền thoại và sự thật*, trên trang <http://www.dokiencuong.com> (Truy cập 2/2/2021).
3. Hà Đình Đức (2014), *Cụ Rùa và những lần nổi không ngẫu nhiên*, trên trang <https://news.zing.vn> (Truy cập 4/1/2021).
4. Hồng Hải (2016), “Bộ trưởng Tiên yêu cầu Vụ trưởng bị tố đi “hầu đồng” gửi tường trình”, *Báo Dân trí*, <http://dantri.com.vn> (Truy cập 4/1/2021).
5. Phong Linh (2019), *Treo án đền Trần trong nhà cả năm lợi lộc, thăng quan tiến chức?*, trên trang <https://www.nguoiduatin.vn> (Truy cập 4/1/2021).
6. Hoàng Thiên Long (2020), *Kinh Thiên phát nguyện*, trên trang <http://hoangthienlongtamlinhvannhoaviet.com> (Truy cập 18/2/2020).
7. Pichon, L. (2011, 1938), *Những kẻ săn máu* (Tạ Đức dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng và Tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Meintel, Deirdre (2007), "When There Is No Conversion: Spiritualists and Personal Religious Change", *Anthropologica*, Vol. 49, No. 1, pp. 149-162.
10. Rebecca L. Stein and Philip L. Stein (2005), *The Anthropology of Religion, Magic and Witchcraft*, Pearson Education, Inc.USA.
11. Robert H. Lavenda and Emily A. Schultz (2010), *Core Concepts in Cultural Anthropology*, 4th edition, Boston: McGraw Hill Higher Education.
12. Rodney Stark and Roger Finke (2000), *Acts of Faith: Explaining the Human Side of Religion*. University of California Press.
13. Thuận Phong (2014), *Lập mộ liệt sĩ giả là “rất nhân văn”*, trên trang *Tin 24/7*, <https://www.tin247.com> (Truy cập ngày 11/1/2021).